

Huyện Gia Lâm, ngày 12 tháng 03 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 174/2024/TLST-DS ngày 06/11/2024, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (V);

Trụ sở chính: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của VPBank là:

Ông Ngô Chí D; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của V là:

Ông Nguyễn Hồng B; chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ Phản ứng nhanh

Khách hàng cá nhân Miền Bắc – Khối Quản trị rủi ro – Ngân hàng

TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Văn bản ủy quyền số

62/2023/UQN – CTQT ngày 02/8/2023 của Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng.

Người đại diện theo ủy quyền lại của V là:

1. Ông Nguyễn Trung K; chức vụ: Trưởng bộ phận Xử lý nợ.

2. Ông Bùi Xuân P; chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng 5, tòa nhà Việt Hải, số 78 đường Dịch Vọng Hậu, phường D, quận C, thành phố H.

Theo văn bản ủy quyền số 02/2024/UQ-KHCN ngày 09/11/2024 của ông Nguyễn Hồng B.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1956;

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1960;

Cùng trú tại: Số 5, ngách 64/410, thôn Viên Ngoại, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị M là:

Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1956;

Theo văn bản ủy quyền ngày 19/02/2025.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Hoàng Thị Y, sinh năm 1933 (là mẹ ông Đại);

2. Anh Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1982 (là con trai ông Đại);

3. Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1983 (là vợ anh Đoàn);

4. Cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh năm 2008 (là con gái anh Đoàn);

5. Cháu Nguyễn Tiến D, sinh năm 2011 (là con trai anh Đoàn);

Cùng trú tại: Số 5, ngách 64/410, thôn Viên Ngoại, xã Đặng Xá, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Quỳnh C và cháu Nguyễn Tiến D là anh Nguyễn Tiến Đ và chị Nguyễn Thị M.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Tiến Đ và chị Nguyễn Thị M là:

Ông Nguyễn Tiến Đ, sinh năm 1956;

Theo văn bản ủy quyền ngày 19/02/2025.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2307069655612 ngày 20/7/2023, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 20/7/2023; Khế ước nhận nợ ngày 25/07/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2310130551744 ngày 23/10/2023; Khế ước nhận nợ ngày 23/10/2023; Khế ước nhận nợ ngày 20/12/2023; Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán

số LN2404132336969 ngày 16/04/2024; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ2 với V ngày 26/07/2023 và Hợp đồng thế chấp ký ngày 20/07/2023, số công chứng 3166/2023, quyền số 03-2023TP/CC- SCC/HĐGD tại Văn phòng Cđược giao kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần V(V với ông Nguyễn Tiến Đ bà Nguyễn Thị M là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thẻ tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật, có hiệu lực pháp luật và có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

2.2. Cách tính lãi trong hạn, lãi quá hạn, phạt chậm trả lãi và phí được quy định trong Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2307069655612 ngày 20/7/2023, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 20/7/2023; Khế ước nhận nợ ngày 25/07/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2310130551744 ngày 23/10/2023; Khế ước nhận nợ ngày 23/10/2023; Khế ước nhận nợ ngày 20/12/2023; Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số LN2404132336969 ngày 16/04/2024; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử với V ngày 26/07/2023 so với các Quyết định điều chỉnh lãi suất và Biểu phí của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V(Vlà đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết.

2.3. Các bên xác nhận tạm tính đến hết ngày 27/02/2025, ông Nguyễn Tiến Đ bà Nguyễn Thị M còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V(Vtổng số tiền là 1.478.030.158 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.296.909.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 35.276.898; nợ lãi quá hạn là 116.625.675 đồng; phạt chậm trả lãi là 1.556.692 đồng và nợ thẻ tín dụng là 27.661.892 đồng.

2.4. Xác nhận ông Nguyễn Tiến Đ bà Nguyễn Thị M1 trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V(Vtổng số tiền còn nợ tính đến hết ngày 27/02/2025 là 1.478.030.158 đồng, trong đó: Nợ gốc là 1.296.909.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 35.276.898; nợ lãi quá hạn là 116.625.675 đồng; phạt chậm trả lãi là 1.556.692 đồng và nợ thẻ tín dụng là 27.661.892 đồng.

Kể từ ngày 28/02/2025 cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ, ông Nguyễn Tiến Đ bà Nguyễn Thị M còn phải chịu các khoản lãi và phí của số tiền nợ gốc còn phải thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn, phạt chậm trả lãi

và phí mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2307069655612 ngày 20/7/2023, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 20/7/2023; Khế ước nhận nợ ngày 25/07/2023; Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2310130551744 ngày 23/10/2023; Khế ước nhận nợ ngày 23/10/2023; Khế ước nhận nợ ngày 20/12/2023; Hợp đồng cho vay theo hạn mức thấu chi trên tài khoản thanh toán số LN2404132336969 ngày 16/04/2024; Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử với V ngày 26/07/2023. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ nói trên, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân hàng cho vay.

2.5. Trường hợp ông Nguyễn Tiến Đ bà Nguyễn Thị M thanh toán hết khoản nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V(Vcó trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất thế chấp cho ông Nguyễn Tiến Đ bà Nguyễn Thị M và làm thủ tục giải chấp ngay.

2.6. Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến hết tháng 04/2025 mà ông Nguyễn Tiến Đ bà Nguyễn Thị M không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần V(Vcó quyền yêu cầu cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng là: Toàn bộ sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 206, tờ bản đồ số 59, tại địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện G, thành phố H quyền sở hữu/sử dụng của ông Nguyễn Tiến Đ1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 683285, Sổ vào sổ cấp GCN: CSGD 00011 do Sở T thành phố H cấp ngày 22/05/2015. Hợp đồng thế chấp ký ngày 20/07/2023, số công chứng 3166/2023, quyền số 03-2023TP/CC- SCC/HĐGD tại Văn phòng C1Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đảm tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký Đất đai huyện G theo quy định của pháp luật. Diện tích đất và công trình xây dựng trên đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế tại thời điểm xử lý tài sản thế chấp.

Trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên các tài sản thế chấp có nghĩa vụ phải di chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V(Vthì ông Nguyễn Tiến Đ bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ tiếp tục trả hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V(V

Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền ông Nguyễn Tiến Đ bà Nguyễn Thị M phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V(Vthì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả cho ông Nguyễn Tiến Đ bà Nguyễn Thị M.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Tiến Đ bà Nguyễn Thị M.

3.2. Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần V(V 26.132.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065586 ngày ngày 05/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Như Trọng